

PHONG TRÀO ĐÔNG DU TRONG GIAO LƯU VĂN HÓA VIỆT-NHẬT

PHAN HUY LÊ*

Cách đây 100 năm, trên đất nước Việt Nam đang nằm dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, đã bùng lên một cuộc vận động cách mạng mang nhiều ý nghĩa và tác dụng sâu xa. Đó là phong trào Đông du do nhà yêu nước lớn Phan Bội Châu lãnh đạo.

Thực hiện chủ trương Đông du, kể từ khi Phan Bội Châu lần đầu tiên đặt chân đến Nhật Bản vào hạ tuần tháng 4 năm Ất Ty (hạ tuần vào tháng 4, 4/5 - 2/6/1905, khoảng cuối tháng 5 đầu tháng 6-1905) cho đến lúc Chính phủ Nhật Bản ra lệnh giải tán lưu học sinh Việt Nam tháng 10-1908 và Phan bị trục xuất khỏi Nhật Bản tháng 3-1909, thời gian Đông du chỉ gần 4 năm.

Số du học sinh gửi sang Nhật Bản vào thời điểm cao nhất năm 1907 là khoảng 200 người đến từ ba miền Bắc (hơn 40), Trung (khoảng 50), Nam (hơn 100) của Việt Nam. Số học sinh này được sắp xếp vào học tại Chấn Võ học hiệu và Đông Á đồng văn thư viện. Cho đến khi bị giải tán, chỉ một số rất ít học hết khóa học (3 học sinh tốt nghiệp Chấn Võ học hiệu), còn phần lớn đang dở dang. Trong số du học sinh này, ngoại trừ mấy người phản bội, còn phần nhiều là những thanh niên tuấn tú và sau

đó, nhiều người tham gia các hoạt động cách mạng ở trong nước hay nước ngoài. Một trong những du học sinh đó là Lương Ngọc Quyến, con nhà lãnh đạo phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục Lương Văn Can, đã trở thành người cầm đầu cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.

Nhưng kết quả của phong trào Đông du không chỉ giới hạn trong thời gian và số lượng du học sinh ở Nhật Bản. Vượt ra ngoài những kết quả cụ thể đó, phong trào Đông du còn tác động và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tư tưởng và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Thành công của Nhật Bản trên con đường cải cách và công nghiệp hóa sau Duy Tân Minh Trị rồi chiến thắng của Nhật Bản trong chiến tranh Nga-Nhật, đã cổ vũ các dân tộc phương Đông về khả năng khắc phục tình trạng lạc hậu và khả năng phục hưng của mỗi nước. Phan Bội Châu và một số sĩ phu cấp tiến Việt Nam mở đường Đông du bởi sự thôi thúc và hấp dẫn của tấm gương phục hưng tự cường của nước "đồng chủng, đồng văn" Nhật Bản.

Hành trang tư tưởng của Phan Bội Châu lúc thành lập Duy Tân hội và hoạt

* GS. Đại học Quốc gia Hà Nội.

động ở Nhật Bản có một hằng số không thay trong suốt cả cuộc đời của ông là lòng yêu nước, là khát vọng giải phóng dân tộc, là quyết tâm giành lại độc lập, nhưng về khuynh hướng tư tưởng thì có nhiều biến đổi.

Khi thành lập Duy Tân hội năm 1904, Phan Bội Châu và những người cùng chí hướng chỉ mới đưa ra “ba khoản”, trong đó có chủ trương “cầu ngoại viện” và đặt kỳ vọng vào Nhật Bản “nếu nó không xuất binh nữa mà muốn tư lương mua khí giới, tất có thể dễ lắm” (1). Nhưng khi đến Nhật Bản, sau hai lần gặp gỡ và trao đổi với Lương Khải Siêu, Lương lại nhấn mạnh đến “thực lực” mà “thực lực” là “dân trí, dân khí và nhân tài” và tỏ ý lo ngại về việc “cầu viện Nhật Bản” vì “mưu ấy sợ không tốt, quân Nhật Bản đã một lần vào nước, quyết không có lý gì đuổi nó ra được” (2). Sau đó, Phan nhờ Lương thu xếp để tiếp kiến một số chính khách Nhật Bản như Khuyến Dưỡng Nghị tử tước (Inukai), Đại Ôi bá tước (Okuma) nhằm “muốn đạt cái mục đích cầu viện”. Trong cuộc tiếp kiến và bút đàm thân mật, các chính khách Nhật nói thẳng với Phan Bội Châu là có thể giúp đỡ với tư cách “Dân đảng Nhật Bản”, nhưng từ chối sự viện trợ của chính phủ vì “lấy binh lực giúp cho các ngài thì nay là thì giờ chưa tới nơi” (3). Từ thực tế phũ phàng đó, Phan Bội Châu đã chuyển hướng từ chủ trương “cầu ngoại viện” sang chủ trương “cầu học”, vận động, tuyển chọn thanh niên tuấn tú xuất dương sang du học ở Nhật Bản, góp phần nâng cao dân trí, dân khí chuẩn bị tiềm lực cho bạo động giành độc lập. Như vậy, chỉ sau khoảng hai tháng ở Nhật Bản (từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1905), tư tưởng Phan Bội Châu đã có một chuyển biến quan trọng và từ đây dấy lên phong trào vận động du học Nhật Bản.

Là một sĩ phu Nho học và trong điều kiện đất nước đầu thế kỷ XX chưa có những tiền đề kinh tế xã hội cho sự nảy sinh tư tưởng mới, Phan Bội Châu lúc đầu theo chủ nghĩa quân chủ lập hiến. Nhưng rồi trong thời gian ở Nhật Bản và Trung Quốc, tiếp xúc với những nhà cách mạng và tư tưởng cấp tiến, trong đó có Lương Khải Siêu và Tôn Trung Sơn, tư tưởng của Phan Bội Châu đã chuyển hướng theo chủ nghĩa dân chủ. Ngay từ năm 1907, qua những tiếp xúc và trao đổi với các nhà cách mạng nước ngoài, ông đã nói: “Tư tưởng của tôi cũng ngấm ngấm xoay về dân chủ, sở dĩ chưa dám kêu to nói lớn là chỉ vì kế hoạch gốc từ thuở trước chưa thể thay đổi được” (4). Chúng ta hiểu là do những ràng buộc của Duy Tân hội, việc lập Cường Để làm minh chủ và những quan hệ trong nước. Năm 1912, Phan bộc bạch “tôi từ sau khi đến Nhật Bản, từng nghiên cứu nguyên nhân cách mệnh ngoại quốc và chính thể ưu liệt ở Đông-Tây, càng nhận được lý luận của Lư Thoa (J.J. Rousseau) là tinh đáng lắm. Và lại kết hợp với bạn đồng chí Trung Hoa thì từ lâu chủ nghĩa quân chủ đã đặt ra ở sau óc” (5). Xu hướng tư tưởng dân chủ đó sau này được nhà chí sĩ họ Phan thực hiện khi cải tổ Duy Tân hội thành Việt Nam Quang phục hội rồi Việt Nam Quốc Dân đảng.

Trong việc tiếp nhận những tư tưởng dân chủ phương Tây, Phan Bội Châu đã tận dụng được một thành quả của giới trí thức Nhật Bản thời kỳ canh tân là hệ thống các khái niệm Hán-Nhật. Nhiều trí thức cấp tiến Nhật Bản đã dùng từ Hán-Nhật chuyển dịch các khái niệm tư tưởng phương Tây trong khi dịch các tác phẩm phương Tây sang tiếng Nhật. Cho đến năm 1890, có 633 sách về khoa học xã hội của phương Tây, chủ yếu từ Anh, Pháp, Hoa Kỳ, được dịch sang tiếng Nhật. Số sách về

văn học cho đến năm 1887 được dịch sang tiếng Nhật là 120 (6). Những khái niệm mới này được các nhà cải cách Trung Quốc tiếp nhận qua gốc chữ Hán. Chữ Hán bắt nguồn từ chữ tượng hình đã phát triển thành hệ thống chữ ghi ý (idéographie /écriture idéographique), mỗi chữ theo nguyên tắc cấu tạo của nó, biểu thị một nội hàm cụ thể mà xem mặt chữ người đọc có thể hiểu được dù phát âm có thể khác nhau (7). Phan Bội Châu và các sĩ phu cấp tiến Việt Nam đã tiếp nhận tư tưởng dân chủ phương Tây qua các khái niệm gốc Hán này và đọc theo âm Hán-Việt hoặc trực tiếp từ Nhật Bản hoặc qua sách báo Trung Quốc. Đây là mối quan hệ giao lưu văn hóa tư tưởng ba chiều của ba nước “đồng văn”: Trung Quốc - Nhật Bản - Việt Nam. Những khái niệm này giữ vai trò rất quan trọng việc truyền bá những tư tưởng dân chủ phương Tây. Những từ như “dân tộc”, “dân chủ”, “kinh tế”, “triết học”... đều là từ Hán-Việt mà nguồn gốc là do các trí thức cấp tiến Nhật Bản sáng tạo và trực tiếp qua Phan Bội Châu hoặc gián tiếp qua các sách báo tiến bộ Trung Quốc vào Việt Nam. Khi nghiên cứu vấn đề dân tộc, tôi rất thích thú khi biết từ “dân tộc” được Phan Bội Châu dùng lần đầu tiên ở Việt Nam năm 1906.

Trong hoạt động Đông du, Phan Bội Châu còn có thời cơ tiếp xúc và trao đổi quan điểm với một số chính khách và trí thức Nhật Bản, với những nhà cách mạng Trung Quốc và một số nước phương Đông như Triều Tiên, Philipin, Ấn Độ... Những quan hệ quốc tế này nâng cao tầm kiến văn của Phan Bội Châu, giúp ông thấy rõ hơn mối quan hệ giữa các nước khu vực trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Trên cơ sở nhận thức này, Phan đã thành lập “Đông Á đồng minh hội” và “Điền-Quốc-Việt liên minh hội” năm 1908.

Phong trào Đông du cùng những hoạt động sôi nổi và những tác phẩm tràn đầy nhiệt huyết của Phan Bội Châu kết hợp với phong trào Duy Tân, hoạt động của Đông Kinh nghĩa thực ở trong nước thực sự đã làm thức tỉnh nhân dân cả nước, tạo ra những chuyển biến mới trong nhận thức tư tưởng và hình thái đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam chuyển hướng mạnh mẽ từ hệ tư tưởng phong kiến sang tư tưởng dân chủ và làm dấy lên sức mạnh tiềm tàng của dân tộc theo xu hướng tư tưởng tiến bộ của thời đại lúc bấy giờ. Phong trào Đông du cũng như tất cả hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu và các phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX đều thất bại. Cuối đời, nhà chí sĩ họ Phan đã đi đến một tổng kết đau buồn “Lịch sử của tôi hoàn toàn là lịch sử thất bại” (8). Nhưng lịch sử cũng trân trọng ghi nhận những phong trào yêu nước, cách mạng đó biểu thị những cố gắng tìm tòi phương hướng cứu nước mới cho dân tộc và là những chặng đường chuyển biến theo hướng tiến bộ trên con đường đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc.

Phong trào Đông du còn để lại dấu ấn khá đậm trong quan hệ giao lưu Việt - Nhật.

Quan hệ Việt-Nhật đã có lịch sử lâu đời, có thể ngược lên thế kỷ VIII khi một vũ đoàn Lâm Ấp (Champa) được cử sang Kinh đô Nara (Nhật Bản) dự lễ khánh thành tượng Đại Phật trong Đại Phật điện chùa Đông Đại (Todaiji) năm 752. Cũng trong thế kỷ VIII, một trí thức Nhật Bản là Abe no Nakamara (An Bội Trung Ma Lã, 698-770) sau khi du học ở Kinh đô Trường An của nhà Đường, năm 753 trên đường vượt

biển về nước, đã bị trôi giạt vào An Nam và đã có thời gian sống tại An Nam đô hộ phủ. Ông là một nhà thơ, nhà văn hóa nổi tiếng, đã từng kết bạn với Lý Bạch, Vương Duy. Trong thời gian sống ở An Nam đô hộ phủ, ông làm một bài thơ nói lên nỗi nhớ quê hương khi ngắm trăng ở An Nam mà tưởng như vầng trăng trên núi Mikasa (Tam Lập sơn) ở Kasuga (Xuân Nhật) thuộc Nara. Bài thơ rất phổ biến ở Nhật Bản và được dùng trong trò chơi bài "Bách nhân nhất thủ" (Trăm người một bài thơ). An Nam đô hộ phủ dời Đường tức thành Đại La mà gần đây khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện dấu tích tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long ở quận Ba Đình (9).

Vào thế kỷ XIII, trong cuộc chiến đấu chống họa bành trướng của đế chế Mông Cổ và Đại Nguyên, ba lần kháng chiến thắng lợi của Đại Việt và thắng lợi của Champa đã có tác động khách quan buộc nhà Nguyên phải bỏ kế hoạch tiếp tục xâm lược Nhật Bản lần thứ ba.

Kết quả nghiên cứu khảo cổ học cho thấy quan hệ giao lưu gốm sứ giữa hai nước đã bắt đầu từ cuối thế kỷ XIV và phát triển trong những thế kỷ sau. Gốm Việt Nam đã tìm thấy ở nhiều thành phố Nhật Bản như Sakai, Osaka, Nagasaki... và được lưu giữ tại Bảo tàng Quốc gia hay các sưu tập tư nhân. Những gốm nhập cảng từ Việt Nam thời Trung đại được gọi là "gốm Cauchi" hay "gốm An Nam" và người Nhật mô phỏng sản xuất một loại gốm tương tự gọi là "gốm phong cách Cauchi" (10).

Đặc biệt vào đầu thế kỷ XVII, trong thời kỳ *Châu ấn thuyền*, nhiều thuyền Châu ấn đã cập bến các thương cảng Việt Nam. Đây là một giai đoạn phát đạt trong quan hệ mậu dịch giữa hai nước. Người Nhật có mặt và giữ vai trò quan trọng trong các thương

cảng và đô thị nổi tiếng của Việt Nam từ Thăng Long, Phố Hiến ở Đàng Ngoài đến Thanh Hà (Huế), Touran (Đà Nẵng), Hội An (Quảng Nam)... ở Đàng Trong. Sau khi Mạc phủ ra lệnh cấm xuất dương, người Nhật và hàng hóa Nhật vẫn tiếp tục hiện diện trên nhiều đô thị Việt Nam. Gốm Nhật Bản nhất là gốm Hizen có niên đại từ giữ thế kỷ XVII đã tìm thấy không những ở những trung tâm đô thị như Thăng Long (Trung tâm thương mại Tràng Tiễn, Văn Miếu, Hậu Lâu, khu di tích Hoàng thành), Phố Hiến, Thanh Hà, Hội An, mà còn ở những vùng xa xôi như khu mộ Mường ở Hòa Bình, khu Lam Sơn ở Thanh Hóa, khu mộ cổ ở Lâm Đồng... Quan hệ giao lưu một thời thịnh vượng này để lại những dấu ấn và nhiều di tích, kỷ vật quý giá được các dòng họ, đền chùa và nhân dân hai nước gìn giữ, bảo tồn cho đến ngày nay. Tại Hội An, những ngôi mộ Nhật được nhân dân địa phương gìn giữ và hương khói, một chiếc cầu, tên chữ là Lai Viễn kiều, tên nôm là cầu Chùa, vẫn được gọi là cầu Nhật Bản. Tấm bia "Phổ Đà sơn linh trung Phật", niên đại có thể đoán định năm 1640 ở động Hoa Nghiêm trên núi Non Nước, còn ghi tên 10 người Nhật, trong đó có 5 người lấy vợ Việt, đã cung tiến của cải cho chùa. Tại Nhật Bản, bức tranh quý "Giao Chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ" của dòng họ Chaya diễn tả thuyền Châu ấn cập bến Hội An cùng cảnh buôn bán và khu phố Nhật Bản ở thương cảng này, đang được bảo tồn tại chùa Jomyo Thành phố Nagoya. Những bức tranh thuyền buôn Nhật từ Việt Nam trở về nước an toàn còn được lưu giữ ở đền Kiyomi Thành phố Kyoto. Tư liệu của dòng họ Shutaro cho biết chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) gả con gái mang tên Anio cho thương gia Araki Shutaro. Nhiều thư từ giao thiệp giữa chúa Trịnh, chúa Nguyễn

với chính quyền Mạc phủ còn được sao chép lại trong "An Nam quốc thư" của bộ "Ngoại phiên thông thư", từ quyển 11 đến quyển 14 (11). Bộ bài tổ tằm hiện nay còn sử dụng ở Việt Nam, nhưng không mấy người biết rằng theo kết quả nghiên cứu của học giả Nhật Bản và Hàn Quốc thì hình người trên mỗi con bài đó đều mang trang phục Nhật Bản thế kỷ XVII.

Phong trào Đông du cần được coi như một bước phát triển mới của quan hệ giao lưu đó trong bối cảnh lịch sử đầu thế kỷ XX. Dù cho trong hoàn cảnh lúc đó, năm 1908 theo hiệp ước ký kết với Pháp, chính phủ Nhật Bản ra lệnh trục xuất du học sinh Việt Nam, nhưng ảnh hưởng và tác động của phong vẫn phát huy ảnh hưởng to lớn trong lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Đặc biệt quan hệ và tình cảm với một số chính khách, trí thức Nhật Bản được Phan Bội Châu ghi lại với thái độ trân trọng trong hồi ký của mình. Biểu tượng tốt đẹp nhất là tình nghĩa giữa Phan Bội Châu với bác sĩ Sakitaro Asaba (Thiền Vũ Tá Hỷ Thái Lang) mà tấm bia và những kỷ vật cho đến nay được hậu duệ của dòng họ và nhân dân Thị trấn Asaba lưu giữ, tôn tạo với tấm lòng tự hào và trân trọng. Tấm bia trước mộ do Phan Bội Châu và dân trong thôn góp của lập nên năm 1918 còn ghi lại lòng biết ơn và cảm tạ của nhà chí sĩ họ Phan: "Hào hiệp chưa từng có xưa nay, nghĩa lớn bao trùm cả trong ngoài, ngài ban thời như trời lớn, tôi nhận thời như biển đầy. Chí tôi chưa thành mà ngài chẳng đợi, thăm thăm lòng này, ngàn thu ghi tạc" (12).

Sau phong trào Đông du, trong chiến tranh thế giới thứ Hai và thời kỳ Chiến tranh lạnh, quan hệ Việt - Nhật còn có những bước thăng trầm phức tạp. Trong

Chiến tranh thế giới thứ Hai, trong lúc quân đội phát xít Nhật chiếm đóng và gây một số tội ác ở Việt Nam thì hàng trăm lính Nhật ở lại tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân 1945-1954 của nhân dân Việt Nam và một số người có công được tặng hay truy tặng những Huân chương cao quý của Chính phủ Việt Nam. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, qua chế độ Nam phương đặc biệt lưu học sinh, một số sinh viên Việt Nam lại có điều kiện Đông du và trong số này có người trở thành nhân tài của đất nước như GS. TS nông học Lương Đình Của, GS. TS y học Đặng Văn Ngữ...

Trong thời hiện đại, từ năm 1973 khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao thì quan hệ Việt - Nhật bước vào một thời kỳ phát triển mới.

Tiếp nối những giá trị truyền thống của quan hệ giao lưu văn hóa lâu đời, ngày nay quan hệ hữu nghị, giao lưu và hợp tác giữa hai nước Việt-Nhật đang phát triển lên một tầm cao trên mọi lĩnh vực. Riêng số lưu học sinh Việt Nam tại Nhật Bản năm 2004 đã lên đến 1.570 người (13). Trong quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học, không chỉ người Việt Nam tiếp tục Đông du sang Nhật Bản ngày càng đông mà người Nhật cũng Nam du sang Việt Nam khá nhiều để nghiên cứu, học tập, du lịch và đầu tư kinh tế. Từ quan hệ giao lưu trên một vài phương diện và nặng về một chiều, nay đã phát triển lên trình độ toàn diện và hai chiều. Sau một thế kỷ từ phong trào Đông du, giao lưu văn hóa Việt - Nhật đã giữ lại và phát huy những giá trị tốt đẹp, khắc phục và vượt qua những mặt hạn chế của lịch sử, và đang vươn lên một tầm cao tương xứng với lợi ích, tiềm năng của hai nước và xu thế giao lưu hội nhập của thời đại.

CHÚ THÍCH

- (1). *Phan Bội Châu niên biểu*, trong *Phan Bội Châu toàn tập*, Nxb. Thuận Hóa, 1990, tập 6, tr. 76, 77.
- (2). *Phan Bội Châu niên biểu*, Sdd, tập 6, tr. 92.
- (3). *Phan Bội Châu niên biểu*, Sdd, tập 6, tr. 94.
- (4). *Phan Bội Châu niên biểu*, Sdd, tập 6, tr. 143.
- (5). *Phan Bội Châu niên biểu*, Sdd, tập 6, tr. 211.
- (6). Vinh Sinh: *Việt Nam và Nhật Bản trong thế giới Đông Á*, Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
- (7). Léon Vandermeerch, *Le nouveau monde sinisé*, Paris, 1986. Bản dịch tiếng Việt: *Thế giới Hán hoá*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
- (8). *Phan Bội Châu niên biểu*, Sdd, tập 6, tr. 46.
- (9). Theo *Nhật Bản sử từ điển*, Tokyo, 1997, tr. 35. Trong giới học giả Nhật Bản hiện nay còn tồn tại hai giả thuyết về nhân vật Abe no Nakamara, thuyết trên và thuyết thứ hai căn cứ vào *Tân Đường thư (liệt truyện)* có chép một người Nhật Bản vào niên hiệu Khai Nguyên (713-741) đời vua Đường Minh Hoàng đem hóa phẩm đến triều kiến rồi "hâm mộ phong hóa Trung Hoa", lưu ở lại, đổi tên là Triều Hoành, đến niên hiệu Vĩnh Thái thứ 2

(765) đời vua Đường Đại Tông được cử sang làm An Nam đô hộ. Trong thư tịch Việt Nam, *An Nam chí lược* của Lê Tác cũng chép về nhân vật Triều Hoành trong quyển 9. Vấn đề đặt ra về phương diện khoa học là Triều Hoành có phải là Abe no Nakamara hay không. Chúng ta chờ đợi kết quả giám định, xác minh của các học giả Nhật Bản. Trong lúc chờ đợi tôi ghi cả hai thuyết để tham khảo.

(10). *Cận thế Nhật - Việt giao lưu sử*, Kỷ yếu Hội thảo Giao lưu gồm sử Nhật - Việt thời cận thế, Tokyo, 2002.

(11). *Đô thị cổ Hội An*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.

(12). Trong *Phan Bội Châu niên biểu*, tác giả chép rõ việc này và trích dẫn bài minh, xem *Phan Bội Châu toàn tập*, Sdd, tập 6, tr. 185. Nhân dịp kỷ niệm 100 năm phong trào Đông du, Hiệp hội Asaba - Việt Nam đã sao chụp toàn bộ bài minh cùng tám bìa và một số tư liệu ảnh gửi sang tặng Việt Nam.

(13). Theo thống kê của Bộ giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ Nhật Bản (Tư liệu của Hiệp hội Asaba - Việt Nam)

